

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 214/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2024
“V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thiện Lai và ông Huỳnh Văn Dứt.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: số A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bị đơn: Ông Cao Khả H, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày, giữa bà T và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 17/02/2022. Sau khi kết hôn, bà T và ông H đi làm ăn và chung sống tại phường H, T, Bình Dương được 06 tháng thì bà T về nhà mẹ ruột tại tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang sinh sống. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

do trong quá trình chung sống ông **H** không quan tâm, chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Từ đó thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai gia đình hai bên có biết nhưng không tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà **T** yêu cầu được ly hôn với ông **H**.

- Về con chung: Bà **T** và ông **H** có 01 (một) con chung tên **Cao Nguyễn Tường V**, sinh ngày 22/01/2022. Hiện nay, con chung đang sống với bà **T** từ lúc sinh ra đến nay. Khi ly hôn, bà **T** yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con.

Chị **T** đang làm chủ quán nước với mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Hiện tại chị **T** đang ở nhà mẹ ruột **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông **Cao Khả H** trình bày: Ông **Cao khả H1** thống nhất với lời trình bày của bà **Nguyễn Thị T** về quá trình chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và mâu thuẫn hôn nhân. Nay ông Hòa đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà **Nguyễn Thị T**.

- Về con chung: bà **T** và ông **H1** có 01 (một) con chung tên **Cao Nguyễn Tường V**, sinh ngày 22/01/2022. Hiện nay con chung đang sống với bà **T**. Khi ly hôn, ông **H1** không đồng ý để chị **T** nuôi con chung. Anh **H1** yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại tờ tự khai đề ngày 25/4/2024, ông **H1** thống nhất giao con chung cho bà **T1** nuôi dưỡng, chăm sóc, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **H1** đang làm công nhân Your Way Tech với mức lương thu nhập là 20.000.000 đồng/tháng. Hiện nay, ông **H1** đang ở trọ tại **số D, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương**.

- Về tài sản chung: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông cho rằng, giữa ông với bà **T** có các tài sản chung: 01 dây chuyền vàng 18K khối lượng là 08 chỉ vàng; 01 chiếc lắc vàng 18K khối lượng là 1,1 cây vàng; 01 cây vàng cưới 24K; 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tiền hót hụi, mỗi tháng ông **H1** gửi về số tài khoản của anh **Nguyễn Văn C** (là anh vợ) của **Ngân hàng S** và **A** để đóng hụi giúp, anh **C** cũng là người hót hụi, về chủ hụi là ai thì ông **H1** không biết vì từ đó cho đến nay ông **H1** chỉ gửi tiền cho anh **C** đóng hụi và hót hụi giúp. Tất cả các tài sản trên đều là tài sản trong thời kỳ hôn nhân đang do chị **Nguyễn Thị T** đang quản lý, sử dụng. Ngày 05/6/2024, ông **H1** có gửi đơn yêu cầu khởi kiện theo đường bưu chính, tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2024, ông **H1** yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác định ông **Nguyễn Văn C** là người có Hòa lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng đến ngày 27/6/2024 ông **H1** có đơn rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án đã có thông báo trả lại đơn khởi kiện theo đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà **T**: Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 17/02/2022, Giấy khai sinh số 88 ngày 18/02/2022, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

- Bà **Nguyễn Thị T** trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ông **Cao Khả H** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Cao Khả H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Bà **Nguyễn Thị T** và ông **Cao Khả H**, có đăng ký kết hôn, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, quá trình chung sống giữa bà **T**, ông **H** có mâu thuẫn; quá trình giải quyết vụ án ông **H** cũng đồng ý ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **H**.

Về con chung: bà **T** và ông **H** có 01 (một) con chung tên **Cao Nguyễn Tường V**, sinh ngày 22/01/2022, hiện nay con chung đang do bà **T** chăm sóc, nuôi dưỡng, bà **T** đề nghị nuôi con chung, ông **H** cũng đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà **T**, ông **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà **Nguyễn Thị T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Cao Khả H**, ông **H** cư trú trên địa bàn huyện **C**. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm Hòa giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông **Cao Khả H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét

xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về rút yêu cầu phản tố: Ông **H** có đơn yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, xác định ông **Nguyễn Văn C** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, đến ngày 27/6/2024 ông **H** có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án chưa thụ lý yêu cầu này của ông **H**, và đã có thông báo trả lại đơn khởi kiện cho ông **H** theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không nhất thiết phải đưa ông **C** tham gia tố tụng, do phần yêu cầu về tài sản chung do ông **H** yêu cầu, ông **H** đã rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị T** và ông **Cao Khả Hòa** kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, bà **T** khẳng định không còn tình cảm với ông **H**, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông **H** trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng đồng ý ly hôn, thống nhất về mâu thuẫn như bà **T** đã trình bày, xác định không còn tình cảm với bà **T**. Do vậy, mâu thuẫn giữa bà **T** và ông **H** là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên việc bà **T** yêu cầu ly hôn, ông **H** đồng ý ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T** với ông **H**.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa bà **T** và ông **H** có 01 (một) con chung tên **Cao Nguyễn Tường V**, sinh ngày 22/01/2022, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ông **H** có yêu cầu về nuôi con chung, nhưng tại bản tự khai đề ngày 25/4/2024, ông **H** xác định giao con chung cho bà **T** chăm sóc, nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với yêu cầu của bà **T**, cháu **V** đến nay còn nhỏ, bà **T** có đầy đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, để ổn định cho cháu **V**, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **T**, giao con chung tên **Cao Nguyễn Tường V**, sinh ngày 22/01/2022 cho bà **T** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà **T**, ông **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà **T**, ông **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông **Cao Khả H** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Các đương sự có **H** kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 84, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 127, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với ông Cao Khả H; bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Cao Khả H, gây chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Cao Khả H không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Giữa bà Nguyễn Thị T và ông Cao Khả H có 01 con chung tên Cao Nguyễn Tường V, sinh ngày 22/01/2022, tiếp tục giao con chung cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông Cao Khả H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Cao Khả H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015353 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 4 năm 2024; Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Ông Cao Khả H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có H thỏa thuận thi hành án, H yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thiện Lai Huỳnh Văn Dứt

Nguyễn Trung Kiên